

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6,
phường Nhơn Bình (giai đoạn 3)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3420/STNMT-CCBVMT ngày 23/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6, phường Nhơn Bình (giai đoạn 3) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6, phường Nhơn Bình (giai đoạn 3) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 899/BQL-QLDA ngày 02/12/2022 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1128/TTr-STNMT ngày 23/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6, phường Nhơn Bình (giai đoạn 3) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. UBND thành phố Quy Nhơn đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Trạm bơm nước thải có công suất 1.800 m³/ngày thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6, phường Nhơn Bình (giai đoạn 2).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- Chủ dự án;
- UBND phường Nhơn Bình;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

[Handwritten signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ KHU VỰC 6,
PHƯỜNG NHON BÌNH (GIAI ĐOẠN 3)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6, phường Nhơn Bình (giai đoạn 3).

- Địa điểm thực hiện: phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Tổng diện tích: 15,86 ha (Trong đó: diện tích san nền là 9,4 ha).

- Quy mô: 188 lô đất ở, dân số khoảng 752 người.

1.3. Các hạng mục công trình của dự án:

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền; đường giao thông; hệ thống cấp điện, nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt; diện tích cây xanh khoảng 13.219,20 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: khu vực tập kết phương tiện thu gom rác có diện tích 30 m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 63.577,30 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công; có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt của các mương nội đồng xung quanh.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 99,26 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 32,1 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì, bùn, đất,...

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ công trình hiện hữu: khối lượng phá dỡ tường gạch, xà bần khoảng 1.872,25 m³. Thành phần chủ yếu là gạch vỡ, đất, đá, gỗ,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 47,58 - 79,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường, đất đào kênh mương, đào móng phát sinh với khối lượng khoảng 12.908,55 m³. Thành phần chủ yếu là đất, bùn,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 45 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 676,8 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 55 kg/năm trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống bên trong, lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống bên trong, lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân; việc thoát nước mưa, lũ và kênh mương nội đồng.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Trong quá trình thiết kế xây dựng, Chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa của khu vực được thu gom bằng các đường ống cống bê tông cốt thép có đường kính D600mm - D1200mm thoát về hành lang thoát nước phía Đông thông qua 04 cửa xả.

- Nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của các hộ dân, được thu gom vào tuyến ống chính bằng ống HDPE đường kính D150mm - D300mm dọc tuyến đường giao thông nội bộ, dẫn về trạm bơm nước

thải công suất 1.800 m³/ngày thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu vực 6, phường Nhơn Bình (giai đoạn 2) do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn làm Chủ đầu tư.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất bóc phong hóa hữu cơ, đất đào được tận dụng đổ vào khu vực quy hoạch trồng cây xanh với diện tích khoảng 13.219,20 m².

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ công trình hiện hữu và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

Bố trí khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác có diện tích khoảng 30 m² tại khu vực cây xanh của Dự án.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn nguy hại theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

- Xây dựng tuyến kè bằng bê tông xi măng dọc đường D3 và kè đá chẻ dọc đường D4; đồng thời, bố trí tường chắn bằng bê tông xi măng dọc các lô đất ở A6, A13 và đường DS3 để chống sạt lở khi san lấp mặt bằng.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực phía Tây Nam khu 2, tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng (KK1) (Tọa độ: 1.526.548; 304.058).

Khu vực Khu dân cư hiện hữu trước chùa Long Thạnh (KK2) (Tọa độ: 1.526.591; 601.267)

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.3. Giám sát sạt lở: xác định quy mô, mức độ sạt lở đất trong quá trình san lấp mặt bằng tại khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng, ruộng lúa.